

Bản án số: 04/2022/DS-ST
Ngày 21-03-2022
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Công Định

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hoan

Bà Đỗ Thị Hoài Mơ

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Mai - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 03 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thẩm thụ lý số: 47/2021/TLST-DSTC ngày 04 tháng 10 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2022/QĐST-DSST ngày 21/01/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2022/QĐST-DSTC ngày 21/02/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Bùi Văn K, sinh năm 1972 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn D, xã N, huyện LN, tỉnh BG .

Bị đơn: Anh Phạm Quang H, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Chị Vi Ngọc A, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn D, xã N, huyện LN, tỉnh BG

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn D, xã N, huyện LN, tỉnh BG

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 28/09/2021 cùng các lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn ông Bùi Văn K trình bày: Ông và vợ chồng anh Phạm Quang H, chị

Vi Ngọc A có quan hệ quen biết. Vợ chồng anh H, chị Ánh có vay tiền của vợ chồng ông số tiền 60.000.000 đồng ngày 23/01/2016 (âm lịch) tức ngày 01/03/2016, khi vay hai bên có viết giấy vay nợ, thời hạn trả nợ là một năm kể từ ngày vay trả cả gốc và lãi, lãi suất thỏa thuận miệng là 1.5%/tháng.

Đến hạn trả nợ, vợ chồng anh H, chị Ánh không thanh toán trả tiền cho ông tiền gốc và tiền lãi, nên ông yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng anh H, chị Ánh phải trả vợ chồng ông số tiền gốc là 60.000.000 đồng và tiền lãi của khoản tiền này tính từ ngày 01/03/2016 đến ngày xét xử với mức lãi suất là 10%/năm.

Bị đơn là chị Vi Ngọc A và Phạm Quang H đã được Toà án giao các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật tuy nhiên chị Ánh, anh H không có ý kiến trình bày gửi Toà án về nội dung ông K khởi kiện.

Tại phiên tòa hôm nay anh H, chị Ánh vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký Tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía các đương sự nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chưa chấp hành nghiêm chỉnh đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ:

Áp dụng các Điều 26, 147, 184, 227, 228 BLTTDS; Điều 471, 474, 476, 477 BLDS 2005; điểm c khoản 1 Điều 2; khoản 2 Điều 4; Điều 6 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng TPTANDTC; Điều 12 Nghị quyết 326 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn K.

Buộc vợ chồng anh Phạm Quang H, chị Vi Ngọc A phải trả ông Bùi Văn K, bà Nguyễn Thị T tổng số 96.345.200 đồng trong đó tiền nợ gốc là 60.000.000 đồng và 36.345.200 đồng tiền lãi

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề xuất giải quyết án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Bị đơn anh Phạm Quang H, chị Vi Ngọc A, bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án triệu tập và tổng đạt các văn bản theo quy định của pháp luật. Tại phiên Tòa hôm nay anh H, chị Ánh vắng mặt lần 2 không có lý do, bà Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng

xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về yêu cầu trả nợ gốc và nợ lãi của ông Bùi Văn K, HĐXX thấy:

[2.1.1] Về yêu cầu trả tiền gốc: Ngày 23/01/2016 (âm lịch) tức ngày 01/03/2016 ông Bùi Văn K có cho vợ chồng anh Phạm Quang H, chị Vi Ngọc A vay số tiền 60.000.000 đồng, khi vay hai bên có viết giấy vay tiền, lãi suất do hai bên thỏa thuận là 1.5%/tháng, thời hạn trả là 01 năm trả cả tiền gốc và tiền lãi. Kể từ ngày vay anh H, chị Ánh chưa thanh toán trả cho ông K khoản tiền nào.

Xác định đây là giao dịch dân sự hợp pháp, hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn, có lãi. Trong quá trình làm việc vợ chồng chị Ánh, anh H không đưa ra ý kiến của mình về việc ông K khởi kiện. Do đó việc ông K yêu cầu vợ chồng anh H, chị Ánh trả số tiền nợ gốc là 60.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận theo Điều 471, Điều 476; Điều 478 BLDS 2005.

[2.1.2] Về yêu cầu tính lãi của khoản tiền gốc 60.000.000 đồng của ông Bùi Văn K tính từ ngày 23/01/2016 (âm lịch) tức ngày 01/03/2016 đến ngày xét xử với mức lãi suất là 10%/năm, HĐXX thấy: Hợp đồng vay tiền giữa ông K và vợ chồng anh H, chị Ánh là hợp đồng vay có kỳ hạn, lãi suất do hai bên thỏa thuận là 1.5%/tháng, trong quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự không yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện nên yêu cầu tính lãi của ông K có căn cứ chấp nhận. Tại phiên toà hôm nay, ông K yêu cầu tính lãi suất của khoản tiền vay là 10%/năm. Xét về lãi suất ông K yêu cầu HĐXX thấy: Việc tính lãi của khoản vay giữa ông K và vợ chồng chị Ánh, anh H được tính như sau:

Lãi suất của khoản tiền trước ngày 30/12/2016 được tính theo lãi suất quy định tại Bộ luật dân sự 2005.

Lãi suất của khoản tiền vay từ ngày 01/01/2017 được tính theo lãi suất quy định tại Bộ luật dân sự 2015.

Lãi suất 10%/năm ông K đề nghị áp dụng tính lãi suất là phù hợp với quy định tại Điều 476 Bộ luật dân sự 2005 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 nên cần được chấp nhận để tính lãi suất của khoản tiền vay.

Lãi suất của khoản vay 60.000.000 đồng tính từ ngày 23/01/2016 (âm lịch) tức ngày 01/03/2016 đến ngày 21/03/2022 là 2211 ngày, lãi suất được tính là: $60.000.000 \text{ đồng} \times 2211 \text{ ngày} \times 10\%/\text{năm} = 36.345.200 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền gốc và tiền lãi chị Vi Ngọc A và anh Phạm Quang H phải trả là: 96.345.200 đồng trong đó tiền nợ gốc là 60.000.000 đồng và 36.345.200 đồng tiền lãi.

[2.3] Thời điểm ký giấy vay tiền anh Phạm Quang H, chị Vi Ngọc A là vợ chồng, việc anh H, chị Ánh vay tiền của ông K là dùng vào mục đích chung của gia đình. Do đó, cần buộc anh H, chị Ánh có trách nhiệm thanh toán khoản tiền đã vay cho ông K là đảm bảo theo Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Số tiền ông K cho vợ chồng anh H, chị Ánh vay là tiền chung của hai vợ chồng, nên đây xác định là tài sản chung của ông K, bà Tính.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn là anh Phạm Quang H, chị Vi Ngọc A phải chịu toàn bộ án phí DSST. Tuy nhiên, do anh H, chị Ánh thuộc hộ nghèo nên anh H, chị Ánh được miễn án phí theo Điều 11, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 471, Điều 476, Điều 478 Bộ luật dân sự 2005;

Căn cứ khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 147; Điều 157; Điều 158; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Điều 11, Điều 12, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn K:

Buộc vợ chồng anh Phạm Quang H, chị Vi Ngọc A phải trả ông Bùi Văn K, bà Nguyễn Thị T tổng số 96.345.200 đồng trong đó tiền nợ gốc là 60.000.000 đồng và 36.345.200 đồng tiền lãi.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Anh Phạm Quang H, chị Vi Ngọc A được miễn án phí DSST.

Hoàn trả ông Bùi Văn K số tiền 1.500.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0013261 ngày 04/10/2021 của Chi cục Thi hành án huyện Lục Nam.

3. *Về quyền kháng cáo:* Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Nam;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Công Định